

Bản án số: 20/2021/HS-ST
Ngày 16-11-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Trọng Đạt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thế Sự

Bà Lưu Thị Hồng Thom

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Toà án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Bùi Việt D - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Đinh Xuân Q, sinh ngày 16 tháng 01 năm 1985 tại thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ dân phố X, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Xuân Đ và bà Đặng Thị T; vợ là: Trần Thị Mỹ H (đã ly hôn) và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: 01, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 19/QĐ-XPHC ngày 16-6-2020 của Công an phường H, quận Đ xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy (chưa được xóa); nhân thân: Bản án số 15/2008/HSST ngày 27-8-2008 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn xử phạt 33 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (đã được xóa); bị tạm giữ từ ngày 20-7-2021, đến ngày 23-7-2021 chuyển tạm giam; có mặt.

2. Phạm Văn B, sinh ngày 12 tháng 6 năm 1964 tại thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Số 1767 đường Phạm Văn Đ, tổ dân phố T, phường T, quận D, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị C; vợ là: Hoàng Thị Thùy D và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn B:* Ông Lê H - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH H, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt;

- *Bị hại:*

1. Cháu Chu Phú Th, sinh ngày 17-6-2008; nơi cư trú: Tổ dân phố 4, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

2. Ông Lưu Đình Ch, sinh năm 1956; nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

3. Cháu Bùi Ngọc H2, sinh ngày 25-4-2007; nơi cư trú: Tổ dân phố V, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

4. Bà Đinh Thị L, sinh năm 1967; nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

5. Ông Bùi Văn Th, sinh năm 1967; nơi cư trú: Tổ dân phố 9, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

6. Bà Lưu Thị Ng, sinh năm 1953; nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

7. Bà Đặng Thị T1, sinh năm 1964; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

8. Ông Nguyễn Phú S, sinh năm 1964; nơi cư trú: Tổ dân phố 1, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

9. Ông D Mạnh H, sinh năm 1958; nơi cư trú: Tổ dân phố 8, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại Chu Phú Th:* Ông Chu Mạnh D, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ dân phố 4, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng (là bố đẻ cháu Thành); vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại Bùi Ngọc H2:* Bà Đỗ Thị Mai Trang, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ dân phố V, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng (là mẹ đẻ cháu H); vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Co Thị C, sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ dân phố 8, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Chu Phú Th và Bùi Ngọc H2:* Bà Đỗ Phương Th - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Đinh Xuân Q nghiện ma túy từ năm 2008. Từ **đầu** năm 2021, do không có nghề nghiệp ổn định nên bị cáo Q nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán

lấy tiền chi tiêu và mua ma túy sử dụng cho bản thân. Bị cáo thường đi bộ lang thang xem nhà nào có tài sản để sơ hở thì trộm cắp. Từ ngày 08-3-2021 đến ngày 16-3-2021, trên địa bàn quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, bị cáo Q đã thực hiện 09 vụ trộm cắp tài sản cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 08-3-2021, khi đi qua khu vực vỉa hè trước nhà anh Nguyễn Quang V, sinh năm 1971, ở tổ dân phố 1, phường V, bị cáo Q thấy có mấy chiếc xe đạp dựng ở lòng đường sát mép vỉa hè, bị cáo quan sát không thấy ai trông coi, xe không bị khóa nên đã lại gần lấy 01 chiếc xe đạp màu đen, nhãn hiệu SAIGUAN của cháu Chu Phú Th, sinh ngày 17-6-2008, nơi cư trú: phường V, quận Đ dắt ra giữa đường rồi nhanh chóng đạp xe theo hướng ra Quán Ngọc, thuộc tổ dân phố 8, phường N. Khi đi qua cửa hàng thu mua phế liệu của bà Co Thị C, sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ dân phố 8, phường N, bị cáo hỏi bà C có mua xe đạp không; bà C nói chỉ mua theo giá sắt vụn thôi, bị cáo đồng ý bán cho bà C với giá 100.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 12 giờ ngày 11-3-2021, khi đi qua trước cửa nhà ông Lưu Đình Ch, sinh năm 1956, ở tổ dân phố Hòa Bình, phường Hải Sơn, bị cáo Q nhìn thấy 01 chiếc xe đạp màu xanh đen, nhãn hiệu SAIGUAN của ông Ch. Bị cáo Q quan sát không có ai gần đó nên đã nhanh chóng lấy chiếc xe này dắt ra ngõ rồi đạp xe ra đường 353 tìm nơi để bán xe. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo Q vào cửa hàng sửa chữa xe đạp của bị cáo Phạm Văn B tại số 1767 đường Phạm Văn Đ, tổ dân phố T, phường T, quận D, thành phố Hải Phòng hỏi bị cáo B có mua xe đạp không, bị cáo B trả lời có mua. Sau đó, bị cáo Q bán chiếc xe này cho bị cáo B với giá 700.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 13-3-2021, khi đi vào sân bóng đá nhân tạo công viên Đàm Vương thuộc tổ dân phố Ngọc Sơn, phường Hải Sơn, bị cáo Q thấy 01 chiếc xe đạp màu đen, nhãn hiệu SHIMANO của cháu Bùi Ngọc H2, sinh ngày 25-4-2007, nơi cư trú: Tổ dân phố V, phường H dựng trong sân. Bị cáo Q quan sát thấy không có người trông coi chiếc xe nên đã dắt xe ra khỏi khu vực sân bóng rồi đạp xe đi lên quán sửa xe của bị cáo B để bán. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, tại quán sửa xe, bị cáo B hỏi xe ở đâu mà bán vậy, bị cáo Q nói là xe của nhà, không dùng nữa nên bán. Rồi bị cáo Q bán chiếc xe này cho bị cáo B với giá 400.000 đồng.

Vụ thứ tư: Khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 15-3-2021, khi đi bộ qua nhà bà Đinh Thị L, sinh năm 1967, ở tổ dân phố N, phường N, bị cáo Q nhìn thấy 01 xe đạp màu đỏ, yên xe có chữ DKK của bà L để ở trong sân. Quan sát thấy không có người, một cánh cổng mở, bị cáo Q đã đi vào dắt xe ra đường rồi đạp xe đi. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo Q lên tới quán sửa xe của bị cáo B. Thấy bị cáo Q bán nhiều xe nên bị cáo B nghi ngờ về nguồn gốc của những chiếc xe này. Bị cáo B nói nếu là xe trộm cắp thì không mua nhưng bị cáo Q vẫn nói là xe của nhà, không dùng nữa thì mang bán. Sau đó, bị cáo B mua chiếc xe này với giá 400.000 đồng.

Vụ thứ năm: Khoảng 16 giờ, ngày 15-3-2021, khi đi qua Trường Trung học cơ sở Vạn Hương thuộc tổ dân phố 1, phường Vạn Hương, bị cáo Q thấy cổng trường mở nên đi vào; thấy nhân viên bảo vệ là ông Bùi Văn Th, sinh năm 1967,

nơi cư trú: Tổ dân phố 9, phường N đang ngủ tại phòng bảo vệ nên bị cáo đi vào khu vực nhà để xe. Sau đó, bị cáo Q đã lấy 01 chiếc xe đạp màu đỏ, nhãn hiệu SHIMANO đi ra khỏi cổng trường. Đến khoảng 16 giờ 45 phút cùng ngày, tại quán sửa xe của bị cáo B, bị cáo Q đã chiếc xe này cho bị cáo B với giá 500.000 đồng. Thấy rẻ nên bị cáo B mua mà không hỏi gì thêm.

Vụ thứ sáu: Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 16-3-2021, khi đi qua nhà bà Lưu Thị Ng, sinh năm 1953, ở tổ dân phố Bắc Sơn, phường Hải Sơn, bị cáo Q quan sát trong sân không có người, có 01 chiếc xe đạp mi ni màu trắng, yên xe có chữ DKK của bà Ng nên đã đi vào lấy chiếc xe đi ra ngoài. Sau đó, bị cáo đạp xe lên quán sửa xe của bị cáo B. Tại đây, vào khoảng 12 giờ cùng ngày, bị cáo Q bán chiếc xe này cho bị cáo B với giá 400.000 đồng.

Vụ thứ bảy: Khoảng 14 giờ cùng ngày 16-3-2021, khi đi qua khu nhà trọ của bà Đặng Thị T1, sinh năm 1964, ở tổ dân phố Trung D, phường N, bị cáo Q thấy có 01 chiếc xe đạp màu xanh, không có nhãn hiệu của bà T1 để ở cuối dãy nhà trọ. Bị cáo Q đi vào, quan sát thấy các phòng trọ đóng cửa, không có ai trông coi nên đã nhanh chóng lấy chiếc xe đạp đi lên quán sửa xe của bị cáo B. Tại đây, vào khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo Q bán chiếc xe này cho bị cáo B với giá 100.000 đồng.

Vụ thứ tám: Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày 16-3-2021, bị cáo Q đi qua Trường Tiểu học Vạn Hương, thuộc tổ dân phố 1, phường Vạn Hương; thấy cổng trường mở, phòng bảo vệ không có người nên bị cáo đi vào trong khu nhà để xe của nhà trường. Bị cáo Q thấy 01 chiếc xe đạp màu trắng, yên xe có chữ BRIDGESTONE nên đã nhanh chóng lấy chiếc xe đi ra khỏi trường. Sau đó, bị cáo Q đạp xe lên quán sửa xe của bị cáo B. Tại đây, vào khoảng 16 giờ 15 phút cùng ngày, bị cáo Q bán chiếc xe này cho bị cáo B với giá 200.000 đồng.

Vụ thứ chín: Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày 16-3-2021, bị cáo Q đi vào công viên Đàm Vương thuộc tổ dân phố Ngọc Sơn, phường Hải Sơn; thấy tại khu vực bờ hồ có 01 chiếc xe đạp màu sơn trắng, nhãn hiệu SHIMANO của ông D Mạnh H, sinh năm 1958, nơi cư trú: Số 153 đường Nguyễn Hữu Cầu thuộc tổ Cầu Tre, phường N. Bị cáo Q quan sát thấy không có người trông coi nên nhanh chóng lấy chiếc xe rồi đạp xe lên quán sửa xe của bị cáo B. Tại đây, vào khoảng 18 giờ cùng ngày, bị cáo Q bán chiếc xe này cho bị cáo B với giá 400.000 đồng.

Bà C không biết chiếc xe bị cáo Q bán cho bà là tài sản do bị cáo chiếm đoạt của người khác mà có. Ngày 15-3-2021, bị cáo B bán 01 chiếc xe đạp đã mua của bị cáo Q cho một người không quen biết ở tổ dân phố Quý Kim, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn. Trong 04 lần mua xe của bị cáo Q vào ngày 16-3-2021, bị cáo B không hỏi về nguồn gốc của 04 chiếc xe này nhưng khi mua chiếc xe thứ tư, thấy trong 01 ngày bị cáo Q có nhiều xe để bán như vậy nên bị cáo B tin chắc rằng những chiếc xe này là do bị cáo Q chiếm đoạt của người khác mà có. Do ham rẻ, có thể bán lại kiếm lời nên bị cáo B vẫn mua. Trước khi mua xe, bị cáo B không quen biết bị cáo Q, cũng không hứa hẹn sẽ tiêu thụ tài sản mà bị cáo Q chiếm đoạt được. Việc mua xe là cá nhân bị cáo thực hiện, không liên quan đến người khác. Tổng số tiền bị cáo Q có được từ việc bán những chiếc xe đạp chiếm đoạt là 3.200.000

đồng; trong đó, tiền bán xe cho bị cáo B là 3.100.000 đồng, tiền bán xe cho bà C là 100.000 đồng; bị cáo Q đã chi tiêu và mua ma túy để sử dụng cho bản thân hết số tiền này.

Ngày 17-3-2021, tại cửa hàng thu mua phế liệu của bà C, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ 01 chiếc xe đạp mà bà C mua của bị cáo Q. Ngày 17-3-2021, tại quán sửa xe của bị cáo B, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ 07 chiếc xe đạp mà bị cáo B đã mua của bị cáo Q. Cùng ngày 17-3-2021, bị cáo B tự nguyện đi tìm chuộc lại 01 chiếc xe mà bị cáo đã bán đến giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại 09 chiếc xe này cho các bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại.

Sau ngày 16-3-2021, bị cáo Q đã bỏ trốn, đến ngày 20-7-2021, đến Công an thành phố Hải Phòng đầu thú.

Chiếc xe đạp bị cáo Q chiếm đoạt tại Trường Trung học cơ sở Vạn Hương là của cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 27-6-2006, nơi cư trú: Tổ dân phố 6, phường N; tại thời điểm đó, chiếc xe này thuộc quyền quản lý hợp pháp của ông Th, là nhân viên bảo vệ của nhà trường. Chiếc xe đạp mà bị cáo Q chiếm đoạt tại Trường Tiểu học Vạn Hương là của cháu Hoàng Tuấn V, sinh ngày 18-01-2010, nơi cư trú: Tổ dân phố 1, phường Vạn Hương; tại thời điểm đó, chiếc xe này thuộc quyền quản lý hợp pháp của ông Nguyễn Phú S, sinh năm 1964, nơi cư trú: Tổ dân phố 1, phường Vạn Hương, là nhân viên bảo vệ của nhà trường. Theo hợp đồng, ông Th và ông Sơn trông coi xe của học sinh có thu phí và phải có trách nhiệm bồi thường trong trường hợp xe bị mất.

Tất cả bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường hay thực hiện trách nhiệm dân sự khác liên quan đến những chiếc xe đạp mà bị cáo chiếm đoạt.

Bản kết luận định giá số 08 ngày 10-5-2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự quận Đồ Sơn kết luận: 01 xe đạp màu đen, nhãn hiệu SAIGUAN trị giá 1.500.000 đồng; 01 xe đạp màu xanh đen, nhãn hiệu SAIGUAN trị giá 1.500.000 đồng; 01 xe đạp màu đen, nhãn hiệu SHIMANO trị giá 1.200.000 đồng; 01 xe đạp màu đỏ, yên xe có chữ DKK trị giá 400.000 đồng; 01 xe đạp màu đỏ, nhãn hiệu SHIMANO trị giá 1.000.000 đồng; 01 xe đạp màu trắng, yên xe có chữ DKK trị giá 1.200.000 đồng; 01 xe đạp màu xanh, không có nhãn hiệu trị giá 100.000 đồng; 01 xe đạp màu trắng, yên xe có chữ BRIDGESTONE trị giá 800.000 đồng; 01 xe đạp màu trắng, nhãn hiệu SHIMANO trị giá 800.000 đồng. Tổng giá trị của 09 chiếc xe đạp nêu trên là 8.500.000 đồng.

Cáo trạng số 18/CT-VKS ngày 15-10-2021 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Q về tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo B về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến về nội dung Cáo trạng. Bị cáo Q thừa nhận từ ngày 08-3-2021 đến ngày 16-3-2021, trên địa bàn quận Đồ Sơn, bị cáo có hành vi lén lút, lợi dụng sơ hở của người khác chiếm đoạt 09 chiếc xe đạp có tổng trị giá là 8.500.000 đồng; bán cho bà C 01 chiếc xe được 100.000 đồng, bán

08 chiếc xe còn lại cho bị cáo B được 3.100.000 đồng đúng như Cáo trạng đã nêu. Bị cáo B thừa nhận từ ngày 11-3-2021 đến ngày 16-3-2021, tại quán sửa xe của mình, bị cáo đã mua của bị cáo Q 08 chiếc xe đạp nêu trên với tổng số tiền là 3.100.000 đồng; bị cáo làm nghề sửa xe đạp, thường mua xe đạp cũ rồi sửa chữa lại để bán nên thấy bị cáo Q bán xe thì mua. Bị cáo cũng đã hỏi bị cáo Q nhiều lần về nguồn gốc của những chiếc xe này nhưng bị cáo Q đều nói là của nhà bị cáo không dùng nữa nên bán đi. Khi mua đến chiếc xe đạp thứ 8, mặc dù bị cáo Q không cho biết nhưng bị cáo B biết chắc rằng những chiếc xe này do bị cáo Q chiếm đoạt của người khác mà có nhưng vì ham rẻ nên vẫn mua. Các bị cáo đều xác nhận việc điều tra, truy tố, xét xử là không oan sai; trong quá trình điều tra, không bị ép buộc khai báo không đúng sự thật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Q đã khai nhận, từ ngày 08-3-2021 đến ngày 16-3-2021, trên địa bàn quận Đồ Sơn bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 09 chiếc xe đạp thuộc quyền sở hữu, quyền quản lý hợp pháp của cháu Thành, ông Ch, cháu Hiếu, bà L, ông Th, bà Ng, bà T1, ông Sơn và ông H có tổng trị giá là 8.500.000 đồng. Bị cáo B đã khai nhận toàn bộ hành vi mua 08 chiếc xe đạp từ ngày 11-3-2021 đến ngày 16-3-2021 từ bị cáo Q, khi mua đến chiếc xe thứ 8 thì bị cáo biết rõ những chiếc xe đó là do bị cáo Q chiếm đoạt của người khác mà có. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện, do đó lỗi của các bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp. Mục đích bị cáo Q chiếm đoạt tài sản là để chi tiêu, mua ma túy sử dụng cho bản thân. Mục đích bị cáo B tiêu thụ tài sản do bị cáo Q chiếm đoạt là để bán lại kiếm lời. Viện Kiểm sát truy tố bị cáo Q về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173, truy tố bị cáo B về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Bị cáo Q trộm cắp tài sản của cháu Thành, sinh năm 2008 và cháu Hiếu, sinh năm 2007 nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội đối với người dưới 16 tuổi. Bị cáo B không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, hai bị cáo khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải. Sau khi bị truy nã, bị cáo Q đã đầu thú. Bị cáo B phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Về nhân thân, bị cáo Q có 01 tiền án đã được xóa và 01 tiền sự chưa được xóa nên có nhân thân rất xấu; **bị cáo B** chưa có tiền án, tiền sự.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Q từ 30 tháng đến 33 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự vì bị cáo không có thu nhập, không có tài sản riêng; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm i và s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo xử phạt bị cáo B từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36

tháng; về hình phạt bổ sung, áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 35 và khoản 5 Điều 323 của Bộ luật Hình sự, phạt tiền 5.000.000 đồng đối với bị cáo B.

09 chiếc xe đạp mà bị cáo Q chiếm đoạt đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại cho các bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại. Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo Q phải bồi thường nên đề nghị không giải quyết.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Q nộp lại số tiền 3.200.000 đồng do bị cáo bán những chiếc xe trộm cắp mà có để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Ý kiến tranh luận của bị cáo Q: Luận tội của đại diện Viện Kiểm sát là đúng. Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến tranh luận của bị cáo B: Về tội danh Viện Kiểm sát truy tố đối với bị cáo là đúng. Tuy nhiên, do bị cáo phạm tội lần đầu, đã khắc phục hậu quả, trước đây có đi bộ đội và được tặng giấy khen nhưng đã bị mất nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Việc tịch thu số tiền mà bị cáo bỏ ra để mua xe của bị cáo Q là đúng, bị cáo không yêu cầu gì. Hiện nay, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, làm nghề sửa xe, thu nhập thấp; vợ bị cáo không có việc làm nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét phạt tiền bị cáo ở mức thấp nhất.

Ý kiến tranh luận của người bào chữa cho bị cáo B: Về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, việc tịch thu số tiền mà bị cáo B bỏ ra để mua xe mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị là đúng. Tuy nhiên, bị cáo B đã tự nguyện khắc phục hậu quả, trả lại xe cho các bị hại; đã từng thực hiện nghĩa vụ Q sự và được tặng giấy khen nên được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo B là nặng, chưa phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ. Bị cáo B làm nghề sửa xe đạp, thu nhập thấp và không ổn định; vợ bị cáo không có việc làm; có hai con là lao động tự do nên hoàn cảnh gia đình khó khăn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo B. Các nội dung khác, ông không có ý kiến tranh luận.

Ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:

Trong một khoảng thời gian ngắn, từ ngày 08 đến ngày 16-3-2021, bị cáo Q đã liên tiếp thực hiện 09 vụ trộm cắp tài sản. Bị cáo đã có hành vi lén lút, quan sát thấy không có ai trông coi tài sản nên đã lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp để tiếp cận, rồi nhanh chóng chiếm đoạt. Tổng trị giá

tài sản bị cáo chiếm đoạt là 8.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo Q đã xâm phạm quyền sở hữu được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Trong vụ án này có các bị hại là cháu Thành, sinh năm 2008 và cháu Hiếu, sinh năm 2007 đều dưới 16 tuổi. Bị cáo Q có nhân thân xấu, nghiện ma túy từ năm 2008, có 01 tiền án đã được xóa và 01 tiền sự chưa được xóa đều về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Viện Kiểm sát truy tố bị cáo Q về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, xác định các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và có căn cứ.

Mặc dù hành vi của bị cáo Q bị truy tố ở khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là tội ít nghiêm trọng nhưng cần đánh giá đây là hành vi nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu ở địa phương. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định một hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo Q để có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Số tiền 3.200.000 đồng mà bị cáo Q có từ việc bán tài sản trộm cắp là tiền thu lợi bất chính, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước là đúng, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại không có ý kiến tranh luận. Cháu Thành, cháu Hiếu và người đại diện hợp pháp của hai cháu đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại tài sản, không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết về bồi thường.

Ý kiến tranh luận của đại diện Viện Kiểm sát: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã đến thu giữ 07 chiếc xe tại cửa hàng sửa chữa xe đạp của bị cáo B. Sau đó, bị cáo B đã tự nguyện tìm chuộc lại 01 chiếc xe mà bị cáo đã bán để giao nộp Cơ quan Cảnh sát điều tra. Do đó, đại diện Viện Kiểm sát đồng ý với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo B, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tự nguyện khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng ở chỉ ở mức độ nhất định và đề nghị xử phạt bị cáo mức khởi điểm của hình phạt mà Viện Kiểm sát đã đề nghị. Tại phiên tòa, bị cáo B không xuất trình được tài liệu chứng minh bị cáo đã tham gia nghĩa vụ Q sự và được tặng giấy khen nên đại diện Viện Kiểm sát không đồng ý với người bào chữa về việc áp dụng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Căn cứ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, hậu quả của tội phạm, khung hình phạt được áp dụng, Viện Kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo B từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo là có căn cứ, đúng pháp luật nên không chấp nhận ý kiến của người bào chữa về việc cho bị cáo được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo. Bị cáo có nghề nghiệp và có cửa hàng sửa chữa xe đạp. Chính quyền địa phương cũng không xác nhận là gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Nên không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo về việc không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo B.

Ý kiến tranh luận của người bào chữa cho bị cáo B: Giữ nguyên quan điểm tranh luận đã nêu.

Các bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại không có ý kiến tranh luận khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Công an quận Đồ Sơn, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, các bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, đã có lời khai tại giai đoạn điều tra và không yêu cầu bồi thường thiệt hại, sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng này không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về tội danh và khung hình phạt:

[3] Lời khai của bị cáo Đinh Xuân Q phù hợp với lời khai của các bị hại và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định: Từ ngày 08-3-2021 đến ngày 16-3-2021, tại khu vực trên địa bàn quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, bị cáo Q liên tục có hành vi lén lút chiếm đoạt 09 chiếc xe đạp thuộc quyền sở hữu, quyền quản lý hợp pháp của người khác, lần lượt như sau: 01 chiếc xe đạp của cháu Chu Phú Th có trị giá là 1.500.000 đồng, 01 chiếc xe đạp của ông Lưu Đình Ch có trị giá là 1.500.000 đồng, 01 chiếc xe đạp của cháu Bùi Ngọc H2 có trị giá là 1.200.000 đồng, 01 chiếc xe đạp của bà Đinh Thị L có trị giá là 400.000 đồng, 01 chiếc xe đạp của ông Bùi Văn Th có trị giá là 1.000.000 đồng, 01 chiếc xe đạp của bà Lưu Thị Ng có trị giá là 1.200.000 đồng, 01 chiếc xe đạp của bà Đặng Thị T1 có trị giá là 100.000 đồng, 01 chiếc xe đạp của ông Nguyễn Phú S có trị giá là 800.000 đồng và 01 chiếc xe đạp của ông D Mạnh H có trị giá là 800.000 đồng, tổng trị giá 09 chiếc xe đạp mà bị cáo Q chiếm đoạt là 8.500.000 đồng.

[4] Trị giá tài sản mỗi lần bị cáo Q chiếm đoạt đều dưới 2.000.000 đồng, dưới mức tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự và không thuộc một trong các trường hợp khác để truy cứu trách nhiệm hình sự, trong những lần đó chưa có lần nào bị xử phạt hành chính và chưa hết thời hiệu xử phạt hành chính nên không cấu thành một tội phạm độc lập. Tuy nhiên, hành vi của bị cáo Q đều xâm phạm quyền

sở hữu, diễn ra liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian nên phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo tổng trị giá tài sản của các lần xâm phạm (8.500.000 đồng).

[5] Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo Q đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo Q có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với mục đích lấy tiền chi tiêu cho bản thân.

[6] Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận hành vi của bị cáo Q đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...”.

[7] Lời khai của bị cáo Phạm Văn B phù hợp với lời khai của bị cáo Q, phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định: Từ ngày 11-3-2021 đến ngày 16-3-2021, tại quá sửa xe đạp của bị cáo B ở số 1767 đường Phạm Văn Đ, tổ dân phố T, phường T, quận D, thành phố Hải Phòng, bị cáo B không hứa hẹn trước nhưng đã mua của bị cáo Q 08 chiếc xe đạp nêu trên (trừ chiếc xe mà bị cáo Q chiếm đoạt của cháu Thành đã bán cho bà Co Thị C), tổng trị giá tài sản mà bị cáo B tiêu thụ là 7.000.000 đồng.

[8] Lời khai của bị cáo Q và bị cáo B đều thể hiện việc khi thấy bị cáo Q bán nhiều xe, bị cáo B đã nghi ngờ và hỏi về nguồn gốc của những tài sản này nhưng bị cáo Q nói là của nhà bị cáo, không sử dụng nên mang bán. Lần sau, bị cáo B nói với bị cáo Q nếu là xe trộm cắp của người khác thì không mua nhưng bị cáo Q vẫn khẳng định là xe của gia đình bị cáo. Tại thời điểm này, bị cáo B không biết tài sản mình mua là do bị cáo Q chiếm đoạt của người khác mà có. Tuy nhiên, khi mua đến chiếc xe thứ tư trong ngày 16-3-2021, bị cáo B đã nhận thức rõ chiếc xe này và những chiếc xe bị cáo mua trước đó có nguồn gốc từ việc bị cáo Q chiếm đoạt của người khác nhưng vì ham rẻ nên vẫn mua.

[9] Hành vi tiêu thụ tài sản của bị cáo B đã xâm phạm trật tự công cộng. Bị cáo B có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tiêu thụ tài sản do người khác chiếm đoạt mà có là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với mục đích bán lại để kiếm lời.

[10] Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận hành vi của bị cáo B đã đủ yếu tố cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự. Khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự quy định: “1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[11] Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Q và bị cáo B về tội danh, khung hình phạt là có cơ sở và đúng pháp luật.

[12] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây mất an ninh, trật tự xã hội, gây hoang mang dư luận nên cần phải xử lý nghiêm để nâng cao hiệu quả của công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm tại địa phương.

[13] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo Q trộm cắp 01 chiếc xe đạp của cháu Thành, sinh năm 2008 và 01 chiếc xe đạp của cháu Hiếu, sinh năm 2007. Vì vậy, bị cáo Q phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *phạm tội đối với người dưới 16 tuổi*, quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo B không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[14] *Đối với bị cáo Q:* Sau khi Cơ quan Cảnh sát điều tra truy nã, bị cáo đã đầu thú. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, bị cáo Q được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[15] *Đối với bị cáo B:* Hồ sơ vụ án không thể hiện việc bị cáo tham gia nghĩa vụ Q sự và được tặng giấy khen; tại phiên tòa, bị cáo cũng không giao nộp được tài liệu, chứng cứ chứng minh tình tiết này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của bị cáo và người bào chữa cho bị cáo về việc cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tự nguyện khắc phục hậu quả, tìm chuộc lại 01 chiếc xe đã bán giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra để trả lại cho bị hại. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i và s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, tài sản mà bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả là phần nhỏ trong số tài sản mà bị cáo tiêu thụ nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự *tự nguyện khắc phục hậu quả* nhưng ở mức độ nhất định.

[16] *Về nhân thân:* Bị cáo Q có 01 tiền án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (đã được xóa), 01 tiền sự về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy (chưa được xóa). Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Q vẫn nghiện ma túy, toàn bộ số tiền có được từ việc bán tài sản trộm cắp được bị cáo sử dụng để mua đồ ăn, uống và ma túy sử dụng cho bản thân. Cho thấy, bị cáo Q có nhân thân rất xấu. Bị cáo B không có tiền án và tiền sự, trước lần phạm tội này, chưa bị cơ quan có thẩm quyền xử lý kỷ luật nên có nhân thân tốt. Hội đồng xét xử cần xem xét yếu tố nhân thân của mỗi bị cáo khi quyết định hình phạt.

[17] *Về hình phạt chính:* Trên cơ sở xem xét toàn diện về khung hình phạt, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt, tiêu thụ; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[18] Hành vi phạm tội của bị cáo Q thể hiện sự coi thường pháp luật nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn ở mức cao của khung hình phạt để giáo dục, cải tạo đối với bị cáo; qua đó, nâng cao hiệu quả của công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm trên địa bàn quận Đồ Sơn.

[19] Hành vi phạm tội của bị cáo B là do hám lợi nhất thời. Tài sản bị cáo tiêu thụ có trị giá không lớn, đã trả lại đầy đủ cho các bị hại. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; có nhân thân tốt; có nơi cư trú rõ ràng; có khả năng tự cải tạo và việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ cần xử phạt tù ở mức trung bình của khung hình phạt nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo cũng đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng ngừa tội phạm và giáo dục đối với bị cáo.

[20] *Về hình phạt bổ sung*: Xét bị cáo Q không có thu nhập, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Xét gia đình bị cáo B không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo; bị cáo có nghề nghiệp sửa xe đạp và có cửa hàng sửa chữa xe đạp; chính quyền địa phương cũng không xác nhận gia đình bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của người bào chữa về việc không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Tuy nhiên, nghề nghiệp của bị cáo B có thu nhập không cao, không ổn định nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát và ý kiến của bị cáo, phạt tiền bị cáo B ở mức tối thiểu theo khoản 5 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

[21] *Về xử lý vật chứng*: 09 chiếc xe đạp mà bị cáo Q chiếm đoạt đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại cho các bị hại là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[22] *Về trách nhiệm dân sự*: Các bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường hay thực hiện trách nhiệm dân sự khác nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[23] *Về biện pháp tư pháp*: Số tiền 3.200.000 đồng do bị cáo Q bán 09 chiếc xe đạp trộm cắp được mà có cần buộc bị cáo nộp lại để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

[24] *Về vấn đề khác*: Bà Co Thị C không biết chiếc xe đạp bà mua của bị cáo Q là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý đối với bà C là đúng pháp luật.

[25] *Về án phí*: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[26] *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của bị hại trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; các bị hại, người đại diện

hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đinh Xuân Q 30 (*Ba mươi*) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời gian tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 20-7-2021.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn B 15 (*Mười lăm*) tháng tù cho hưởng án treo về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, thời gian thử thách là 30 (*Ba mươi*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 16-11-2021.

Giao bị cáo B cho Ủy ban nhân dân phường Tân Thành, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào các khoản 2 và 3 Điều 35, khoản 5 Điều 323 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo B 5.000.000 (*Năm triệu*) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Q nộp lại số tiền 3.200.000 (*Ba triệu hai trăm nghìn*) đồng để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc bị cáo Q và bị cáo B, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của bị hại trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Đồ Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Thi hành án hình sự;
- Trại tạm giam Công an Hải Phòng;
- UBND phường Tân Thành, quận Dương Kinh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Trọng Đạt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thế Sự

Lưu Thị Hồng Thơm

Vũ Trọng Đạt